



CẬP NHẬT QUÝ

Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM: HOSE)

Giá mục tiêu: 78.800 Đồng

Khuyến nghị: TRUNG LẬP

Tăng giá: 10,5%

Ngày 17/09/2026



Mở bán các đại dự án thúc đẩy doanh số bán hàng và tăng trưởng lợi nhuận năm 2026

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với Vinhomes, với giá mục tiêu 12 tháng là **78.800 đồng/cổ phiếu**, tương đương tiềm năng tăng giá là **10,5%**. Chúng tôi điều chỉnh tăng 10% dự báo lợi nhuận sau thuế sau cổ đông công ty mẹ (NPATMI) năm 2026 lên 61,6 nghìn tỷ đồng, chủ yếu phản ánh việc ghi nhận doanh thu bán lô lớn cao hơn dự kiến tại các dự án trọng điểm. Chúng tôi dự báo doanh số bán hàng năm 2026 tăng 39% svck, đạt 284,6 nghìn tỷ đồng, nhờ mở rộng danh mục dự án mở bán và các giao dịch bán lô lớn.

Tuy nhiên, triển vọng lợi nhuận tích cực cũng đi kèm với **mức độ thâm dụng vốn cao hơn**. Chúng tôi ước tính dòng tiền hoạt động sẽ ghi nhận mức âm trong năm 2026 do hàng tồn kho và chi phí phát triển dự án tăng, với tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu tăng lên **0,80x**. Việc tham gia phát triển hạ tầng có thể mang lại lợi nhuận bổ sung từ hợp đồng EPC đồng thời cải thiện khả năng kết nối tới một số dự án. Tuy nhiên, tác động tài chính hiện vẫn khó đánh giá do thông tin hiện còn hạn chế. **Do đó, chúng tôi chưa đưa các khoản đóng góp tiềm năng từ hoạt động phát triển hạ tầng vào dự báo và định giá.**

Ở mức **P/B dự phóng 2026 là 2,2x**, cao hơn trung bình 5 năm là 1,7x, chúng tôi cho rằng giá cổ phiếu hiện đã phản ánh phần lớn triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong năm 2026.

Luận điểm đầu tư

- Chúng tôi dự báo doanh số bán hàng năm 2026/2027 sẽ lần lượt đạt **284,6 nghìn tỷ đồng (+39% svck)** và **324,3 nghìn tỷ đồng (+14% svck)**. Đà tăng trưởng được hỗ trợ từ các dự án đang triển khai và các dự án mở bán mới, trong đó giao dịch bán lô lớn tiếp tục là động lực tăng trưởng chính.
- Chúng tôi dự báo NPATMI năm 2026/2027 lần lượt đạt **61,6 nghìn tỷ đồng (+47% svck)** và **64,1 nghìn tỷ đồng (+4% svck)**, nhờ việc tiếp tục ghi nhận lợi nhuận từ các dự án trọng điểm đang triển khai, đồng thời đóng góp thêm từ các dự án mới như Global Gate Hạ Long, Saigon Park, Hải Vân Bay và Global Sportia.

Điểm nhấn KQKD: VHM ghi nhận **NPATMI Q2/2026 đạt 22,7 nghìn tỷ đồng**, giảm 11% so với quý trước nhưng tăng mạnh 202% svck, vượt kỳ vọng của chúng tôi. Kết quả tích cực này chủ yếu được thúc đẩy bởi việc ghi nhận doanh thu bán lô lớn tại dự án Green Paradise, cùng với hoạt động bàn giao tại các dự án Ocean Park 2 & 3, Green City, Royal Island và Wonder City. Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh lên **68,6%**, từ 48,2% trong Q1/2026 và 22,1% trong Q2/2025, phản ánh tỷ trọng đóng góp gia tăng từ doanh thu bán lô lớn có biên lợi nhuận cao.

Rủi ro: Tiến độ mở bán dự án mới chậm hơn kỳ vọng hoặc lãi suất cho vay mua nhà duy trì ở mức cao trong thời gian dài có thể làm suy yếu nhu cầu mua nhà ở, đặc biệt tại các thành phố cấp 2, qua đó làm giảm đà tăng trưởng doanh số bán hàng. Chi phí phát triển dự án tăng cũng làm gia tăng rủi ro triển khai khi VHM tiếp tục mở rộng danh mục dự án đang phát triển.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	103.557	102.323	153.271	218.524	211.270
Tăng trưởng doanh thu thuần	66%	-1%	50%	43%	-3%
Biên lợi nhuận gộp	34%	32%	30%	41%	41%
NPATMI	33.371	31.801	41.895	61.579	64.110
EPS (VND)	7.664	7.742	10.200	7.496	7.804
Tăng trưởng EPS (%)	16%	1%	32%	47%	4%
Tỷ suất cổ tức (%)	-	-	-	4%	-
ROE	20%	17%	18%	24%	21%
Nợ/VCSH	0.31	0.37	0.59	0.80	0.68
P/E (x)	5.6	5.2	12.2	9.8	9.4
P/B (x)	1.0	0.8	2.1	2.2	1.8
EV/EBITDA (x)	5.18	4.86	7.81	5.13	4.63

Nguồn: VHM, SSI Research

Phạm Hoàng Bảo Nga
Trưởng nhóm Phân tích
ngaphb@ssi.com.vn

Giá CP - VND (17/09/26)	71.300
Vốn hóa (USDmn):	22.318
SLCP lưu hành (triệu cp):	8.215
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	7,5
Giá cao/thấp 52T (k VND):	79/41,8
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	30,8
Tỷ lệ SHNN (%):	6,7
GTNN còn được mua (USDmn):	9665,8
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM) được thành lập vào năm 2008, là công ty đầu tư bất động sản lớn nhất tại Việt Nam. Tính đến Q2/2024, VHM có quỹ đất với diện tích 30 triệu m2 đất tại các dự án đã triển khai và 170 triệu m2 đất tại các dự án sắp triển khai.

Doanh số bán hàng bất phá nhờ giao dịch bán lô lớn và mở bán các dự án mới

Trong 6T2026, doanh số bán hàng của VHM tăng mạnh lên 148,1 nghìn tỷ đồng (+119% svck), được hỗ trợ bởi danh mục dự án mở bán tại các thị trường trọng điểm vào cuối năm 2025 và nửa đầu năm 2026, bao gồm Green Paradise (2.870 ha), Hải Vân Bay (512 ha), Global Gate Hạ Long (4.121 ha) và Saigon Park (880 ha), cùng với hoạt động bán hàng tại các dự án hiện hữu. Doanh thu bán lô lớn tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, chiếm 81% tổng doanh số bán hàng, trong khi doanh thu bán lẻ đóng góp 19%. Kết quả này nhìn chung phù hợp với quan điểm của chúng tôi rằng tăng trưởng doanh số bán hàng chủ yếu được đóng góp bởi các giao dịch bán lô lớn. Trong khi đó, nhu cầu mua nhà từ khách hàng cá nhân vẫn tương đối trầm lắng do lãi suất vay mua nhà ở mức cao, tiếp tục gây áp lực lên nhu cầu mua nhà. Tuy nhiên, tác động này có thể được bù đắp một phần nhờ chương trình hỗ trợ khách hàng của VHM.

Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng doanh số bán hàng ổn định nhờ các dự án hiện hữu và chuẩn bị mở bán, đáng chú ý là Global Sportia và Phước Vĩnh Tây trong giai đoạn nửa cuối năm 2026 và năm 2027. Chúng tôi dự báo doanh số bán hàng năm 2026/2027 lần lượt đạt 284,6 nghìn tỷ đồng (+39% svck; cao hơn 9% so với báo cáo trước) và 324,3 nghìn tỷ đồng (+14% svck). Triển vọng tăng trưởng được hỗ trợ bởi kết quả bán hàng khả quan trên danh mục dự án ngày càng mở rộng của VHM, trong đó giao dịch bán lô lớn dự kiến tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, qua đó củng cố triển vọng doanh thu và hỗ trợ dòng tiền trong hai năm tới.

Cập nhật danh mục dự án

Dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Chủ đầu tư	Chi phí đầu tư (tỷ đồng)	Lợi ích kinh tế của VHM	Ngày mở bán/dự kiến
Wonder City	Đan Phượng, Hà Nội	133	VIC	18.441	99%	2025
Green City	Hậu Nghĩa, Tây Ninh	197	VHM	28.258	100%	2025
Golden City	Dương Kinh, Hải Phòng	241	VHM	23.218	100%	2025
Green Paradise	Cần Giẻ, TP. HCM	2.870	Công ty con VHM	465.923	100%	2025
Hải Vân Bay	Liên Chiểu, Đà Nẵng	512	VPL	43.922	100%	2026
Global Gate Ha Long	Hạ Long, Quảng Ninh	4.121	VHM-VIC	515.513	Phân khu Hạ Long: 70% Phân khu Quảng Yên: 90%	2026
Saigon Park (IUT)	Hóc Môn, TP. HCM	880	VHM	59.000	98%	2026
Quang Hanh	Cẩm Phả, Quảng Ninh	322	VIC	2.933	99%	2027+
My Lam	Tuyên Quang	455	VHM	18.345	66%	2027+
Global Sportia (Olympic)	Ngọc Hồi, Hà Nội	9.171	VHM-Đối tác	925.651	35%	2027+
Nham Biền	Nham Biền, Bắc Ninh	134	VHM	6.602	66%	2027+
Leman Golf	Củ Chi, TP. HCM	200	VHM	2.129	100%	2027+
Tân Mỹ	Tân Mỹ, Long An	931	VHM	74.406	76%	2027+
Phước Vĩnh Tây	Phước Vĩnh Tây, Tây Ninh	1.090	VHM-VIG	90.757	100%	2027+
Cam Ranh	Cam Ranh, Khánh Hòa	1.254	VHM-VinES	85.294	100%	2027+
Cam Lâm	Cam Lâm, Khánh Hòa	10.357	VHM-Đối tác	285.267	100%	2027+
Happy Home Trảng Cát	Hải An, Hải Phòng	28	VHM	5.834	100%	2026
Hưng Yên	Phổ Hiến, Hưng Yên	30	VHM	6.095	100%	2027+
Khánh Hòa	Khánh Hòa	1.121	Đối tác	21.881	100%	2027+
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	84	VHM		66%	2027+

Nguồn: VHM, SSI Research

Dự án hạ tầng

VHM đã mở rộng sang lĩnh vực hạ tầng đường sắt với vai trò nhà thầu EPC (Thiết kế - Mua sắm - Thi công), tham gia vào các dự án sau:

	Chi phí đầu tư (nghìn tỷ đồng)	Giá trị hợp đồng EPC (nghìn tỷ đồng)	Thời gian hoàn thành
5 dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội	1.300		2030
Tuyến đường sắt Bến Thành - Cần Giờ	102	44	2028
Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh	147	73	2028
Đoạn Phú Xuyên - Ngọc Hồi (dự án nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - TP.HCM)	11		2027
Đoạn Ngọc Hồi - Kim Sơn (Đường sắt Vành đai phía Đông)	28		2028
Tổng	1.588 (60,8 tỷ USD)	117 (5 tỷ USD)	

Ngoài ra, VHM đã ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư với Vinspeed cho dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội – Quảng Ninh, bao gồm hoạt động đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác thương mại. Theo đó, Vinhomes dự kiến góp tối đa 85% tổng vốn đầu tư của dự án (sau khi trừ phần vốn mà Vinspeed huy động từ các bên thứ ba), nhưng không vượt quá 35% tổng tài sản của công ty theo BCTC gần nhất tại từng thời điểm.

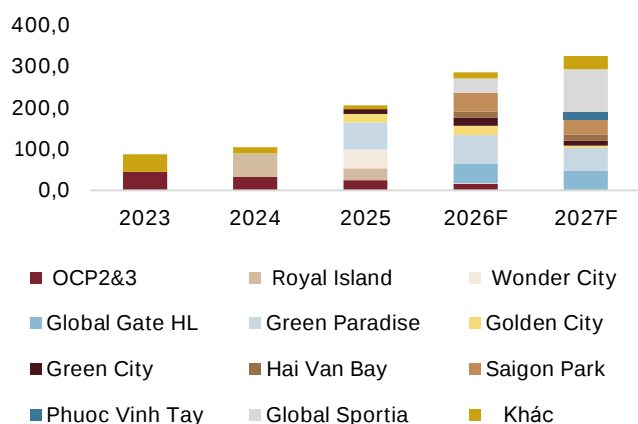
Việc tham gia các dự án hạ tầng quy mô lớn có thể đóng góp nguồn lợi nhuận mới, đồng thời nâng cao khả năng kết nối và giá trị cho các dự án trọng điểm của VHM như Green Paradise, Global Gate Hạ Long và Global Sportia. Tuy nhiên, các dự án hạ tầng thường yêu cầu nguồn vốn lớn, do đó có thể tạo thêm áp lực về nhu cầu huy động vốn và rủi ro triển khai trong tương lai.

Triển vọng lợi nhuận

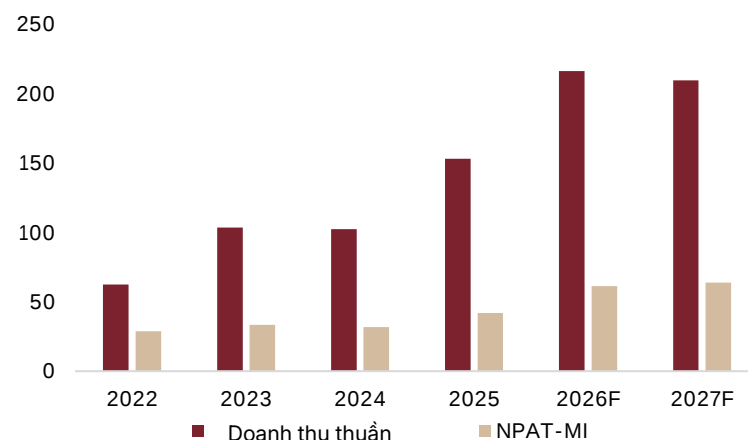
Sau KQKD 6T2026 vượt kỳ vọng, chúng tôi nâng dự báo NPATMI năm 2026 lên 61,6 nghìn tỷ đồng (+47% svck), cao hơn 10% so với dự báo trước, chủ yếu nhằm phản ánh giả định cao hơn về doanh thu bán lẻ lớn tại các dự án hiện hữu. Tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 dự kiến được thúc đẩy bởi các dự án Green Paradise, Ocean Park 2 & 3, Royal Island, Wonder City, Golden City, cùng với đóng góp từ các dự án mới mở bán như Global Gate Hạ Long và Saigon Park.

Chúng tôi dự báo NPATMI năm 2027 đạt 64,1 nghìn tỷ đồng (+4% svck), được hỗ trợ bởi việc tiếp tục ghi nhận lợi nhuận từ các dự án quy mô lớn hiện hữu và đóng góp gia tăng từ dự án Hải Vân Bay và Global Sportia.

Biểu đồ 1: Doanh số bán hàng của VHM giai đoạn 2023-2027F (nghìn tỷ đồng)



Biểu đồ 2: Lợi nhuận của VHM giai đoạn 2022-2027F (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: VHM, SSI Research

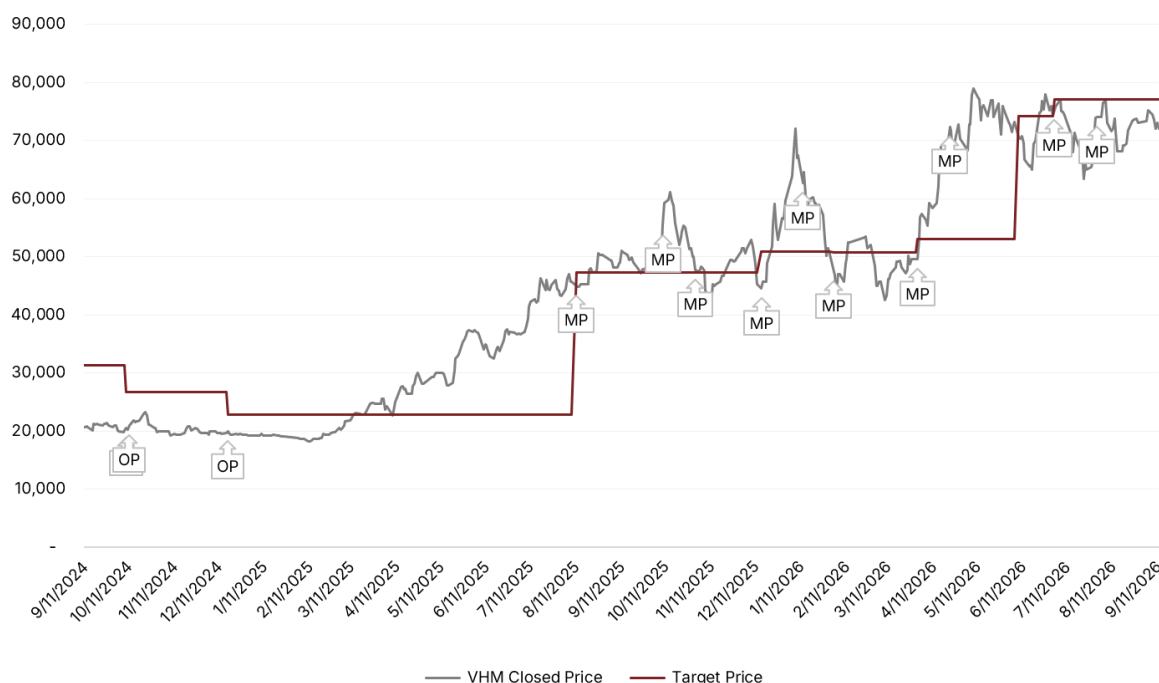
Luận điểm đầu tư

VHM hiện đang giao dịch ở mức P/B dự phóng 2026 là 2,2x, cao hơn trung bình 5 năm là 1,7x. Chúng tôi cho rằng mức định giá hiện đã phản ánh triển vọng tích cực từ việc đẩy nhanh triển khai các đại dự án, doanh số bán hàng cải thiện cũng như triển vọng tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2026-2027.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với VHM, với giá mục tiêu 12 tháng là 78.800 đồng/cổ phiếu, tương đương tiềm năng tăng giá là 10,5%. Mặc dù việc tham gia các dự án hạ tầng quy mô lớn mang lại tiềm năng tăng dự báo lợi nhuận và định giá, chúng tôi chưa đưa đóng góp từ các dự án này vào mô hình dự báo do thông tin hiện còn hạn chế.

Rủi ro bao gồm tiến độ mở bán các dự án mới chậm hơn kỳ vọng, lãi suất cho vay mua nhà duy trì ở mức cao làm suy yếu nhu cầu mua nhà ở, đặc biệt tại các thành phố cấp 2, qua đó làm giảm đà tăng trưởng doanh số bán hàng.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	28.780	49.962	28.450	20.387
+ Đầu tư ngắn hạn	5.392	2.259	2.259	2.259
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	168.406	219.950	214.642	196.038
+ Hàng tồn kho	54.696	131.415	285.835	359.152
+ Tài sản ngắn hạn khác	28.205	93.304	94.640	90.001
Tổng tài sản ngắn hạn	285.479	496.890	625.825	667.837
+ Các khoản phải thu dài hạn	107.670	71.614	70.920	68.566
+ GTCL Tài sản cố định	14.622	22.356	42.782	61.495
+ Bất động sản đầu tư	16.916	15.919	16.309	16.683
+ Tài sản dài hạn dở dang	81.990	95.922	95.122	94.322
+ Đầu tư dài hạn	12.519	12.417	12.417	12.417
+ Tài sản dài hạn khác	45.012	72.738	102.392	102.226
Tổng tài sản dài hạn	278.730	290.967	339.943	355.710
Tổng tài sản	564.209	787.857	965.769	1.023.547
+ Nợ ngắn hạn	278.532	343.090	411.054	392.296
Trong đó: vay ngắn hạn	34.276	43.377	43.664	42.198
+ Nợ dài hạn	64.933	195.550	266.709	275.854
Trong đó: vay dài hạn	47.016	102.946	186.528	198.295
Tổng nợ phải trả	343.465	538.641	677.763	668.149
+ Vốn góp	41.074	41.074	82.148	82.148
+ Thặng dư vốn cổ phần	-6.756	-6.756	-6.756	-6.756
+ Lợi nhuận chưa phân phối	167.206	202.644	198.504	262.614
+ Quỹ khác	19.220	12.254	14.109	17.390
Vốn chủ sở hữu	220.744	249.217	288.006	355.398
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	564.209	787.857	965.769	1.023.547
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-22.400	41.189	-58.737	2.906
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	25.385	-78.088	-22.000	-21.270
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	11.692	58.081	59.225	10.302
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	14.677	21.182	-21.512	-8.062
Tiền đầu kỳ	14.103	28.780	49.962	28.450
Tiền cuối kỳ	28.780	49.962	28.450	20.387
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,02	1,45	1,52	1,70
Hệ số thanh toán nhanh	0,73	0,79	0,60	0,56
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,12	0,15	0,07	0,06
Nợ ròng / EBITDA	0,95	1,12	1,48	1,88
Khả năng thanh toán lãi vay	6,38	5,71	5,01	4,41
Ngày phải thu	69,2	51,0	42,9	47,4
Ngày phải trả	106,3	68,1	54,4	53,3
Ngày tồn kho	289,5	317,6	589,6	943,0
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,39	0,32	0,30	0,35
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,61	0,68	0,70	0,65
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,56	2,16	2,35	1,88
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,59	0,80	0,68
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,17	0,15	0,12

Nguồn: VHM, SSI Research

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	102.323	153.271	218.524	211.270
Giá vốn hàng bán	-69.356	-106.928	-129.163	-124.828
Lợi nhuận gộp	32.967	46.343	89.361	86.442
Doanh thu hoạt động tài chính	26.844	29.332	25.418	37.484
Chi phí tài chính	-10.487	-15.151	-19.767	-24.711
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-3.791	-1.899	-6.556	-6.338
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-4.593	-6.188	-8.823	-8.530
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.943	52.438	79.636	84.349
Thu nhập khác	-95	372	-343	-109
Lợi nhuận trước thuế	40.848	52.810	79.292	84.239
Lợi nhuận ròng	35.073	43.335	63.434	67.391
Lợi nhuận chia cho cổ đông	31.801	41.895	61.579	64.110
Lợi ích của cổ đông thiểu số	3.271	1.440	1.855	3.281
EPS cơ bản (VND)	7.742	10.200	7.496	7.804
Giá trị sổ sách (VND)	49.334	57.963	33.478	41.282
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	0	6.000	0
EBIT	48.437	64.024	99.059	108.950
EBITDA	50.238	66.322	101.044	111.933
Tăng trưởng				
Doanh thu	-1,2%	49,8%	42,6%	-3,3%
EBITDA	5,1%	32,0%	52,4%	10,8%
EBIT	4,5%	32,2%	54,7%	10,0%
Lợi nhuận ròng	4,6%	23,6%	46,4%	6,2%
Vốn chủ sở hữu	20,9%	12,9%	15,6%	23,4%
Vốn điều lệ	-5,7%	0,0%	100,0%	0,0%
Tổng tài sản	26,9%	39,6%	22,6%	6,0%
Định giá				
P/E	5,2	12,2	13,8	13,2
P/B	0,8	2,1	3,1	2,5
Giá/Doanh thu	1,7	2,9	3,9	4,0
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	4,2%	0,0%
EV/EBITDA	4,9	7,8	5,1	4,6
EV/Doanh thu	2,4	3,4	2,4	2,5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	32,2%	30,2%	40,9%	40,9%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	40,9%	35,3%	39,8%	48,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	34,3%	28,3%	29,0%	31,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,7%	1,2%	3,0%	3,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	4,5%	4,0%	4,0%	4,0%
ROE	17,4%	18,4%	23,6%	20,9%
ROA	7,0%	6,4%	7,2%	6,8%
ROIC	15,4%	15,1%	17,3%	15,6%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Bất động sản

Phạm Hoàng Bảo Nga

Trưởng nhóm Phân tích

ngaphb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321